

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày 04-5-2018

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cương.

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 04-5-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2017/TLST-HNGĐ ngày 12-12-2017 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 10-4-2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn TA, xã TS, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TA, xã TS, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Bùi Thị T trình bày: Chị T kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ vào ngày 28-4-2009, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ chơi bời, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2013 anh Đ bỏ nhà

đi làm ăn vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng không có

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã gửi giấy triệu tập nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã đến gia đình anh Đ thì được anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1954 là anh trai anh Đ cho biết anh đã nhiều lần nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh Đ, do anh Đ đi làm ăn không có ở nhà nên không đến Tòa án được. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án anh đã trực tiếp điện thoại cho anh Đ theo số điện thoại 0968234798 và bảo anh Đ về giải quyết việc chị T xin ly hôn, anh Đ nói sẽ về giải quyết ly hôn nhưng sau đó do bận công việc không về được và anh Đ cho biết vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu, tình cảm đến nay không còn anh cũng nhất trí ly hôn chị T. Anh Tr có hỏi địa chỉ của anh Đ thì anh Đ cho biết đi làm công trình nay đây mai đó, lúc thuê nhà trọ, lúc ở lán công trình không có địa chỉ cố định nên không cung cấp được, về con chung, tài sản, công nợ vợ chồng anh Đ không có.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xã TS cho biết: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là công dân thôn TA, xã TS, Yên Thế, Chị T, anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã TS. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có con anh Đ chán nản hay chơi bời không tu trí làm ăn, nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn bất đồng cãi nhau, cuối năm 2013 anh Đ đã bỏ đi làm ăn, thỉnh thoảng mới về gia đình hoặc khi nào gia đình có công việc điện thoại anh Đ mới về. Anh Đ đi làm ăn không chuyển khẩu đi, không xin tạm trú tạm vắng thỉnh thoảng vẫn về vì vậy hộ khẩu của anh Đ vẫn ở địa chỉ Thôn TA, xã TS, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, đối với bị đơn trong quá trình thụ lý, giải quyết chưa chấp hành đúng Điều 70; Điều 72; Điều 227; BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện anh Đ là bị đơn đã được thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, niêm yết các văn bản hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, không đến tòa án làm thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 10/4/2018 anh Đ vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa mở ngày hôm nay 04-5-2018 anh Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Đ vào ngày 28/4/2009, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có con, anh Đ chán nản không tu trí làm ăn vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh Đ, phía anh Đ mặc dù không có bản tự khai và không có mặt tại phiên tòa nhưng qua trao đổi trên điện thoại có sự chứng kiến của anh Tr là anh trai anh Đ và chính quyền địa phương xã TS thì anh Đ thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân đã lâu tình cảm đến nay không còn anh đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng chị T, anh Đ đến nay không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở cần căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Chị T và anh Đ không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật: Áp dụng khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điểm b, khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 271;

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng vào số tiền tạm ứng chị T đã nộp tại biên lai số: 02350, ngày 12/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc ngày niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã TS.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh